TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 7 – ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2026/DS-ST
Ngày 03/02/2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - ĐÀ NẴNG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Văn Long

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Minh Bộ.
2. Bà Nguyễn Thị Đào.

Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Diệu – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân khu vực 7 - Đà Nẵng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thủy Tiên - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 02 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 – Đà Nẵng tiến hành mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 141/2025/TLST - DS ngày 11 tháng 12 năm 2025, về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2026/QĐXXST - DS ngày 13 tháng 01 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Dương Thị D, sinh năm: 1971; địa chỉ: thôn D, xã P, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

- Bị đơn: bà Phạm Thị D, sinh năm 1985; địa chỉ: thôn L, xã P, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, phiên hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Dương Thị D trình bày: Vào ngày 31/12/2024, bà có cho bà Phạm Thị D vay số tiền 70.000.000 (bảy mươi triệu) đồng, thời gian vay từ ngày 31/12/2024 đến ngày 30/02/2025. Tuy nhiên, sau khi nhận đủ số tiền trên bà H không thực hiện đúng như nội dung đã cam kết. Bà D đã nhiều lần liên hệ đòi nợ nhưng bà H cố tình trốn tránh, không chịu trả. Nay bà D khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà H trả cho bà số tiền đã mượn là 70.000.000 (bảy mươi triệu) đồng.

- Tại bản tự khai và buổi hòa giải ngày 26/12/2025, bị đơn bà Phạm Thị D trình bày: Bà H thừa nhận ngày 31/12/2024 có mượn bà Dương Thị D số tiền

70.000.000 (bảy mươi triệu) đồng, không lãi suất, thời hạn vay tiền là hai tháng và được công chứng tại Văn Phòng công chứng Tam Kỳ, mục đích vay để tiêu dùng vào việc cá nhân của bà. Hiện nay bà còn nợ bà D số tiền 70.000.000 đồng. Nay bà D khởi kiện yêu cầu bà trả số tiền trên bà thống nhất, nhưng hiện nay điều kiện của bà đang khó khăn, bà xin bà D cho bà trả hằng tháng với số tiền 5.000.000 đồng/tháng cho đến khi hết nợ.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Đà Nẵng tham gia phiên tòa:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử thực hiện đầy đủ trình tự, thủ tục tố tụng theo đúng quy định của pháp luật. Các đương sự thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án, đề nghị áp dụng các Điều 150, 429, 463, 466 BLDS chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà H phải có trách nhiệm trả nợ cho bà D.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Bà Dương Thị D khởi kiện yêu cầu bà Phạm Thị D trả tiền nợ vay theo hợp đồng vay tiền đã ký kết nên xác định quan hệ pháp luật là *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn bà Phạm Thị D có nơi cư trú tại xã P, thành phố Đà Nẵng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 7 - Đà Nẵng theo quy định tại Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn bà Phạm Thị D vắng mặt tại phiên tòa và có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3]. Về nội dung vụ án:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Dương Thị D: Ngày 31/12/2024, bà Dương Thị D và bà Phạm Thị D ký hợp đồng vay tiền, được công chứng, thể hiện bà Phạm Thị D vay của bà Dương Thị D số tiền 70.000.000 (bảy mươi triệu) đồng, mục đích vay để tiêu dùng, không có lãi suất, thời hạn vay từ ngày 31/12/2024 đến hết ngày 30/02/2025; tuy tháng 02/2025 không có ngày 30, nhưng tại bản tự khai thì bà Phạm Thị D thừa nhận có mượn tiền của bà Dương Thị D số tiền 70.000.000 (bảy mươi triệu) đồng được công chứng tại phòng công chứng Tam Kỳ. Do đó, hợp đồng vay tiền nêu trên giữa bà D với bà H được xác lập trên cơ sở tự nguyện, không trái pháp luật, đảm bảo về hình thức, nội dung, điều kiện có hiệu lực được quy định tại các Điều 398, 401, 402, 405, 463 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên phát sinh hiệu lực pháp luật, các bên phải thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình đã thỏa thuận trong hợp đồng. Bà Phạm Thị D thừa

nhận mượn tiền của bà D sử dụng cho mục đích cá nhân của bà và hiện nay bà còn nợ bà D số tiền 70.000.000 (bảy mươi triệu) đồng nhưng chưa có khả năng trả. Thời hạn mượn tiền 02 tháng đã hết. Như vậy, việc bà D khởi kiện yêu cầu bà H trả lại số tiền nợ đã mượn là có cơ sở theo Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015. Từ những nhận định trên, cần buộc bị đơn bà H có nghĩa vụ trả số tiền còn nợ 70.000.000 (bảy mươi triệu) đồng cho bà D. Bà D không yêu cầu bà H trả lãi suất.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội, do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn bà H phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 280, 398, 401, 402, 405, 463, 466 và Điều 470 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễm, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Dương Thị D.

Buộc bà Phạm Thị D trả cho bà Dương Thị D số tiền 70.000.000 (Bảy mươi triệu) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí: Bà Phạm Thị D phải chịu 3.500.000 (Ba triệu năm trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho bà Dương Thị D số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.750.000 (Một triệu bảy trăm năm mươi nghìn) đồng theo biên lai thu số 0006961, ngày 11/12/2025 của Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bán án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Đinh Văn Long

Nơi nhận:
- *TAND tp Đà Nẵng;*
- *VKSND tp Đà Nẵng;*
- *VKSND khu vực 7;*
- *Phòng THADS khu vực 7;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án;*
- *Lưu án văn.*

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Văn Long

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (03/02/2026) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2]. Về quan hệ tranh chấp: Bà Dương Thị D và bà Phạm Thị D đã xác lập hợp đồng vay tiền, được công chứng tại Văn Phòng công chứng Tam Kỳ vào ngày 31/12/2024. Vì bà H không trả nợ theo đúng thỏa thuận nên bà D khởi kiện đến Tòa án yêu cầu giải quyết việc trả nợ. Do đó, Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015